

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/DS - PT
Ngày: 20-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp phường.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát V.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng góp phường”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Văn V, sinh năm 1965; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; Cùng trú tại: Xóm 4, thôn S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị V1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Xóm 4, thôn S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn Lưu; địa chỉ nơi cư trú: Xóm S, xã G, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định;

2. Bà Phùng Thị Nhài; địa chỉ nơi cư trú: Xóm S, xã G, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định;

3. Ông Phạm Văn Đông; địa chỉ nơi cư trú: Xóm 4, thôn S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định;

4. Bà Vũ Thị Tâm; địa chỉ nơi cư trú: Xóm L, xã G, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định;

Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị V1

Tại phiên tòa. Có mặt ông V; bà C; bà V1; vắng mặt những người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-4-2023, bản tự khai cùng các lời khai khác tại Toà án, nguyên đơn ông Phùng Văn V cùng người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị C trình bày: Ông V là chủ (trùm) phường (họ), có trách nhiệm tổ chức các dây phường vàng, thu phường, trả phường cho những người tham gia, ông được hưởng hoa hồng là 0,3 chỉ vàng, nếu những người tham gia phường góp rồi bỏ phường thì ông chịu trách nhiệm đôn đốc nộp, trường hợp không thu được thì ông có nghĩa vụ nộp thay. Những người tham gia các dây phường đều thống nhất thỏa thuận: Mỗi kỳ mở phường 01 suất (chân phường) góp 01 chỉ vàng 9999; người nào đã lĩnh phường thì góp 1,3 chỉ vàng 9999 (phường ghi thời gian đều theo ngày âm lịch); người nào lĩnh phường thì trả hoa hồng (lệ) cho chủ phường là 0,3 chỉ vàng và góp lại 0,3 chỉ vàng để tổ chức liên hoan; vàng tham gia là loại vàng nhẫn tròn 9999 của các hiệu vàng trên địa bàn huyện Giao Thủy, người nào tự ý bỏ phường thì khi kết thúc phường mới được lĩnh phường và không được nhận lãi. Những người tham gia phường đều ký văn bản thống nhất khi lập dây phường. Bà Bùi Thị V1 tham gia 03 dây phường, cụ thể như sau:

- Dây phường thứ nhất: Bắt đầu vào ngày 22-6-2015 âm lịch, phường gồm 22 suất, 01 năm có 03 kỳ mở phường vào các ngày 22 hàng tháng của các tháng 2; tháng 6; tháng 10 âm lịch, kết thúc ngày 22-6-2022 âm lịch. Bà Bùi Thị V1 tham gia 05 suất phường. Bà V1 đã lĩnh phường vào kỳ mở phường thứ 4; 8; 17; 18; 19. Tại kỳ mở phường thứ 18 ngày 22-02-2021, bà V1 được lĩnh phường và xin lĩnh cả phần phường tại kỳ thứ 19. Ông V đã cấp cho bà V1 49 chỉ vàng, bà V1 đã ký nhận sổ vàng này. Trong sổ 49 chỉ vàng cho bà V1, ông V giao thừa cho bà V1 7,8 chỉ vàng do khi đó cho bà V1 mượn đóng vào 03 suất phường đã lĩnh, thực tế bà V1 chỉ được nhận 41,2 chỉ vàng. Sau đó, tại các kỳ mở phường thứ 19, 20, 21, bà V1 đã góp đầy đủ, cụ thể mỗi lần góp là 5 chỉ vàng cho 5 suất đã lĩnh và 1,5 chỉ vàng là lãi, tổng cộng mỗi kỳ là 6,5 chỉ vàng. Nhưng đến kỳ mở phường cuối cùng là kỳ thứ 22, bà V1 chỉ góp 3,9 chỉ vàng còn thiếu 2,6 chỉ vàng. Nay ông V yêu cầu bà V1 phải thanh toán cho ông 7,8 chỉ vàng mà ông đã giao thừa và 2,6 chỉ vàng bà V1 đã chưa nộp ở kỳ thứ 22, trừ đi số vàng bà V1 đã nộp thừa 6,5 chỉ vàng ở kỳ thứ 19; tổng lại bà V1 phải trả lại ông V 3,9 chỉ vàng ở dây phường này.

- Dây phường thứ hai: Bắt đầu vào ngày 28-10-2018 âm lịch, phường có 24 suất, 01 năm có 03 kỳ mở phường vào các ngày 28 của các tháng 2, tháng 6, tháng 10 đến ngày 28-6-2026 thì kết thúc phường này. Bà V1 tham gia 01 suất

và góp phường đến kỳ thứ 13 vào ngày 28-10-2022 được 13 chỉ vàng thì không góp nữa. Nay bà V1 rút khỏi phường này thì ông có nghĩa vụ trả lại 13 chỉ vàng mà bà V1 đã góp.

- Dây phường thứ ba: Bắt đầu vào ngày 10-11-2019 âm lịch, phường có 27 suất; 01 năm có 03 kỳ mở phường vào các ngày 10 của các tháng 3, tháng 7, tháng 11 âm lịch, kết thúc phường vào ngày 06-7-2028 âm lịch; bà V1 tham gia 01 suất. Bà V1 lĩnh phường vào kỳ mở phường thứ 7, nhận 26 chỉ vàng từ các suất còn lại và 6 suất lãi = 1,8 chỉ vàng nhưng phải nộp lại 0,3 chỉ vàng là hoa hồng cho ông V. Vì vậy, bà V1 chỉ thực lĩnh 27,5 chỉ vàng và đã góp 8,6 chỉ vàng. Bà V1 góp phường đến kỳ mở phường thứ 9 (ngày 10-7-2022 âm lịch), sau đó không góp phường nữa. Nếu tiếp tục tham gia thì V1 phải góp 18 suất phường và lãi của 18 suất là 18 chỉ vàng + (18 x 0,3) chỉ vàng lãi, tổng là 23,4 chỉ vàng. Nay bà V1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ nộp phường nên ông yêu cầu hủy bỏ thỏa thuận góp phường với bà V1, yêu cầu bà V1 phải trả ông số vàng đã nhận là 27,5 chỉ vàng, trừ đi số vàng bà V1 đã góp 8,6 chỉ vàng, còn 18,9 chỉ vàng. Ngoài ra, bà V1 phải trả cho ông hoa hồng là 0,3 chỉ vàng; tổng cộng phải trả ông V 19,2 chỉ vàng.

Đối trừ số vàng ở các dây phường, bà V1 phải trả ông V. Cụ thể: $3,9 + 19,2 - 13 = 10,1$ chỉ vàng 9999.

Tại bản tự khai cùng các lời khai khác tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Bùi Thị V1 trình bày: Bà thừa nhận việc bà có tham gia 03 phường vàng do ông Phùng Văn V làm chủ phường; thể lệ góp, lĩnh phường, chi liên hoan và hoa hồng như ông V trình bày bà không có ý kiến gì.

Đối với dây phường thứ nhất: Bà thừa nhận vào kỳ mở phường thứ 18 ngày 22-01-2022 âm lịch bà được lĩnh phường nhưng bà được ông V cho lĩnh luôn cả suất phường thứ 19, tổng cộng bà đã nhận 49 chỉ vàng 9999. Ở kỳ mở phường thứ 18 bà đã mang theo 3,9 chỉ vàng để nộp trước khi lĩnh phường, bà không vay vàng của ông V. Việc nhận vàng này thể hiện bởi văn bản do chính ông V tính toán và kê ra nên bà không vay ông V số vàng như ông V trình bày. Vào kỳ mở phường thứ 19, 20, 21, 22 bà đã góp phường đầy đủ. Vì vậy, bà không còn nghĩa vụ góp phường với ông V ở dây phường này.

Đối với dây phường thứ hai: Bà đã góp phường đến chương thứ 13, đã góp cho ông V 13 chỉ vàng, sau đó không góp nữa. Bà không góp nữa là do ông V đã thống nhất với bà là bà được lĩnh ở chương phường thứ 7 rồi lại hẹn đến chương phường thứ 10 vẫn không cho bà lĩnh. Bà rút khỏi dây phường này không góp nữa nên ông V phải trả bà tổng 16,9 chỉ vàng 9999, trong đó 13 chỉ vàng 9999 gốc và 3,9 chỉ vàng 9999 lãi.

Đối với dây phường thứ ba: Bà thừa nhận đã lĩnh phường vào kỳ mở phường thứ 7, nhận 27,5 chỉ vàng và góp phường đến kỳ thứ 9 vào tháng 7-2022; sau đó, bà không góp nữa. Vì vậy, bà còn nợ 18 chỉ vàng gốc và lãi $18 \times 0,3 = 5,4$ chỉ vàng. Nếu chấm dứt Hợp đồng như yêu cầu của ông V thì bà chấp nhận trả số vàng gốc là 18 chỉ vàng, còn lãi bà trả theo thỏa thuận vào ngày 10

của các tháng 3, tháng 7, tháng 11 hàng năm cho đến khi kết thúc phường vào năm 2028.

Như vậy, sau khi cân đối, bà chỉ còn nợ ông V 1,1 chỉ vàng 9999 gốc và 0,3 chỉ vàng 9999 lệ, tổng là 1,4 chỉ vàng 9999; còn về lãi của dây phường thứ ba bà chưa góp cho ông V nhưng ông V còn đang giữ vàng của bà trong phường thứ hai nên không bên nào phải trả vàng hay góp vàng cho nhau nữa. Ngoài ra, ở dây phường thứ nhất, bà không còn nợ ông V nhưng gia đình ông V nói với hàng xóm xung quanh là bà còn nợ ông V và không thanh toán phường là không đúng sự thật nên bà đề nghị Tòa án buộc ông V phải công khai xin lỗi bà và nếu có dấu hiệu hình sự thì phải chuyển vụ việc để giải quyết theo quy định của pháp luật hình sự.

* Người làm chứng ông Lê Văn Lưu, bà Phùng Thị Nhài, bà Vũ Thị Tâm và ông Phạm Văn Đông đều trình bày: Các ông bà tham gia phường vàng các dây phường do ông V là chủ phường. Ông V có trách nhiệm thu trả phường, khi có người đã lĩnh phường mà không thực hiện nghĩa vụ góp phường thì ông V phải góp thay vào các kỳ mở phường. Như vậy, ông V phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trả phường, việc bà V1 không góp thì không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của các ông bà, các ông bà không yêu cầu giải quyết quyền lợi của mình trong vụ án. Tuy nhiên, các ông bà vẫn thấy cần phải hỗ trợ, ủng hộ ông V để buộc bà V1 phải nộp đủ phường.

* Kết quả thu thập chứng cứ về giá vàng tại hiệu vàng Quang Thắng, thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy tại thời điểm xét xử ngày 22-8-2023 thì 01 chỉ vàng nhẫn tròn 9999 có giá trị là 5.620.000 đồng.

* Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã quyết định:

[illegible]

* Ngày 30-8-2023 bà Bùi Thị V1 có kháng cáo với nội dung không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

* Tại phiên toà: Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị V1 và đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Vì thực tế sau khi cân đối, bà chỉ còn nợ ông V 1,1 chỉ vàng 9999 gốc và 0,3 chỉ vàng 9999 lệ, tổng là 1,4 chỉ vàng 9999; Đối với lãi của đây phườnng thứ ba bà chưa góp cho ông V nhưng ông V còn đang giữ vàng của bà trong phườnng thứ hai nên không bên nào phải trả vàng hay góp vàng cho nhau nữa. Ngoài ra, bà đề nghị Tòa án buộc ông V phải công khai xin lỗi bà và nếu có dấu hiệu hình sự thì phải chuyển vụ việc để giải quyết theo quy định của pháp luật hình sự.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm và xem xét đơn kháng cáo của bà Bùi Thị V1, VKSND tỉnh Nam Định thấy rằng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tình tiết có liên quan trong vụ án để xác định quan hệ pháp luật cũng như nội dung vụ án để quyết định bản án là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 22-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy; Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét đơn kháng cáo của bà Bùi Thị V1 làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều có địa chỉ thường trú tại huyện Giao Thủy, việc tranh chấp xảy ra tại địa bàn huyện Giao Thủy, các đương sự không có thỏa thuận nào khác về việc lựa chọn Tòa án giải quyết. Do vậy vụ án được giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về việc xác định quan hệ pháp luật: Các đương sự chưa thống nhất về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận trong các phường nên xác định quan hệ tranh chấp là Hợp đồng góp phường. Thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19-12-2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, phường.

[4] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị V1, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Đối với việc tham gia phường vàng: Ông V và bà V1 đều xác nhận có tham gia 03 phường vàng do ông Phùng Văn V làm chủ phường, ông V có trách nhiệm thu, trả phường và được hưởng hoa hồng. Các dây phường đều được thỏa thuận 01 suất (chân) góp 01 chỉ vàng 9999 ở mỗi kỳ mở phường; người nào đã lĩnh phường thì góp 1,3 chỉ vàng 9999 (phường ghi thời gian đều theo ngày âm lịch); người nào lĩnh phường thì trả hoa hồng (lệ) cho chủ phường là 0,3 chỉ vàng và góp lại 0,3 chỉ vàng để tổ chức liên hoan; vàng tham gia là loại vàng nhẫn tròn 9999. Ở mỗi kỳ mở phường thì người được lĩnh phường không phải góp suất của mình tham gia và lãi của các suất đã nhận, các suất phường này được đối trừ vào phần phường được lĩnh. Căn cứ khoản 1 Điều 92 BLTTDS thì, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4.2] Đối với việc thực hiện nghĩa vụ góp phường:

[4.2.1] Dây phường thứ nhất gồm 22 suất (Bắt đầu góp vào ngày 22-6-2015 kết thúc vào ngày 22-6-2022 âm lịch). Tại kỳ mở phường thứ 18 và 19 thì bà V1 chỉ được thực nhận 20,6 chỉ vàng 9999 cho một suất phường. Cụ thể là trừ đi 05 suất của bà V1 tham gia và lãi của 3 suất đã lĩnh thì chỉ còn 17 chỉ vàng (17 suất) + 4,2 chỉ vàng lãi (14 suất lãi x 0,3) - 0,6 chỉ vàng (0,3 chỉ vàng chi liên hoan và 0,3 chỉ vàng hoa hồng cho chủ phường); bà V1 lĩnh trước suất phường kỳ thứ 19 nên cũng chỉ được nhận 20,6 chỉ vàng vì không có lãi ở suất thứ 18; tổng cộng, bà V1 được nhận là 41,2 chỉ vàng như quan điểm của ông V là phù hợp. Do đó, ông V đã tính toán rồi giao cho bà V1 49 chỉ vàng là vượt quá số vàng mà bà V1 được lĩnh phường. Tại đơn khởi kiện, ông V xác định ông giao cho bà V1 49 chỉ vàng trong đó bà V1 vay ông 7,8 chỉ vàng để góp phường là không đúng; nhưng không vì lý do này mà loại trừ nghĩa vụ của bà V1 trả lại số vàng 7,8 chỉ vàng mà ông V đã giao thừa cho bà. Thực tế bà V1 không phải góp phường ở kỳ mở phường thứ 19 nhưng bà V1 đã góp 6,5 chỉ vàng là góp thừa. Bà V1 góp 3,9 chỉ vàng tại kỳ mở phường 22 là góp thiếu 2,6 chỉ vàng. Từ đó có đủ căn cứ buộc bà V1 có nghĩa vụ trả ông V 7,8 chỉ vàng (ông V giao thừa) và 2,6 chỉ vàng góp thiếu, ông V phải trả bà V1 6,5 chỉ vàng mà bà V1 đã góp ở kỳ mở phường 19; đối trừ bà V1 phải trả ông V 3,9 chỉ vàng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông V là có căn cứ.

[4.2.2] Đối với dây phường thứ hai gồm 24 suất phường (bắt đầu vào ngày 28-10-2018, kết thúc vào ngày 28-6-2026 âm lịch). Bà V1 chưa lĩnh phường, đã góp được 13 lần tương đương với 13 chỉ vàng rồi không góp phường nữa. Bà V1 và ông V đều có yêu cầu chấm dứt việc tham gia phường với nhau là thỏa thuận tự nguyện nên Tòa án sơ thẩm công nhận thỏa thuận này của ông V và bà V1 chấm dứt phường vàng này là đúng quy định của pháp luật. Bà V1 tự rút khỏi dây phường, nên theo thỏa thuận của hội thì người nào tự ý bỏ phường thì khi kết thúc phường mới được lĩnh phường và không được nhận lãi. Do vậy bà V1

chỉ được nhận 13 chỉ vàng đã góp mà không được nhận lãi là phù hợp. Do đó, ông V có nghĩa vụ trả số vàng này cho bà V1 khi kết thúc phường. Tuy nhiên, ông V tự nguyện trả luôn 13 chỉ vàng cho bà V1 để đối trừ các phường khác, xét việc tự nguyện này của ông V không trái quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[4.2.3] Đối với dây phường thứ ba gồm 27 suất phường (bắt đầu góp vào ngày 10-11-2019 âm lịch, kết thúc 06-7-2028 âm lịch). Bà V1 đã lĩnh phường ở kỳ mở phường thứ 7, góp tiếp đến kỳ mở phường thứ 9. Sau đó, qua nhiều kỳ mở phường, bà V1 không thực hiện việc góp phường là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đã thỏa thuận làm cho mục đích của việc góp phường không thực hiện được, vì thế Tòa án sơ thẩm chấm dứt Hợp đồng góp phường giữa bà Bùi Thị V1 và ông Phùng Văn V như yêu cầu của ông V là phù hợp với quy định tại các Điều 422, Điều 423 và Điều 424 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về việc giải quyết hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng do Hợp đồng bị hủy bỏ: Ở dây phường thứ ba, bà V1 đã góp ở các kỳ mở phường thứ 1 đến thứ 6 là 6 chỉ vàng, các kỳ thứ 8 và 9 mỗi lần 1,3 chỉ vàng; tổng là 8,6 chỉ vàng (lần mở phường thứ 7 do bà V1 lĩnh phường thì không phải góp suất của mình). Bà V1 lĩnh phường nhận 27,5 chỉ vàng. Khi chấm dứt Hợp đồng, các bên hoàn trả những gì đã nhận nên đối trừ số vàng bà V1 đã nhận (27,5 chỉ vàng) và số vàng bà V1 đã góp (8,6 chỉ vàng) thì bà V1 phải trả lại ông V 18,9 chỉ vàng. Ngoài ra, bà V1 đã vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu khoản bồi thường cho ông V 0,3 chỉ vàng hoa hồng như ông V yêu cầu là phù hợp.

[6] Đối trừ nghĩa vụ các đương sự ở 03 dây phường, thì bà V1 phải trả ông V số vàng. Cụ thể $3,9 + 18,9 + 0,3 - 13 = 10,1$ chỉ vàng. Theo kết quả thu thập chứng cứ về giá vàng tại hiệu vàng Quang Thắng, thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22-8-2023 thì 01 chỉ vàng nhân tròn 9999 trị giá 5.620.000 đồng, tính thành tiền là $10,1 \text{ chỉ vàng} \times 5.620.000đ = 56.762.000$ đồng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của bà V1 về việc yêu cầu ông V công khai xin lỗi và các yêu cầu khác không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[8] Ông V là chủ phường có trách nhiệm trả phường cho các thành V tham gia phường ngay cả khi có người rút khỏi dây phường mà không nộp phường nên các thành V của các dây phường không bị ảnh hưởng đến quyền lợi khi giải quyết vụ án này; họ có quyền khởi kiện chủ phường là ông V khi có tranh chấp.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị V1, giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị V1 phải nộp 300.000 đồng đối trừ với số tiền 300.000 đồng bà V1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định theo biên lai số 0000583 ngày 31-8-2023, bà V1 đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đức Cảnh
(Đã ký)**